

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 24 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ: “Sản xuất thử nghiệm muối sạch quy mô tối thiểu 50ha và muối tinh công suất 2.5 – 3 tấn/giờ”

Mã số: DASXTN03/16.DAKHCN-CNN

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):

- Dự án khoa học và công nghệ: **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị sản xuất muối sạch, muối tinh và hình thành liên kết theo chuỗi giá trị giữa Công ty CP Muối và Thực phẩm Bình Định với diêm dân tại Bình Định .**

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

- Hoàn thiện được thiết bị sản xuất muối sạch và chế biến muối tinh
- Xây dựng mô hình sản xuất muối sạch quy mô tối thiểu 50ha và chế biến muối tinh công suất 2,5 – 3 tấn/giờ đảm bảo nâng cao giá trị tăng của chuỗi sản xuất muối tối thiểu 200%

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: CN Trần Công Toại

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Công ty Cổ phần Muối và Thực Phẩm Bình Định

5. Tổng kinh phí thực hiện: 9.000,00 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.000,00 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 5.000,00 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: Tháng 06 năm 2016

Kết thúc: Tháng 06 năm 2019

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền: Tháng 11/2019

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	Trần Công Toại	Cử nhân	Bidisalco
2	Nguyễn Văn Nam	Kỹ sư	Sở NN&PTNT Bình Định
3	Cao Văn Hoàng	Tiến sỹ	ĐH Quy Nhơn
4	Nguyễn Thanh Giang	Cử nhân	Bidiphar
5	Mai Tòng Ba	Dược sỹ	Bidiphar
6	Nguyễn Văn Thông	Cử nhân	Bidisalco
7	Huỳnh Thế Duy	Thạc sỹ	Bidiphar
8	Đỗ Thị Hoa Hường	Dược sỹ	Bidiphar
9	Nguyễn Văn Tiến	Kỹ sư	Bidisalco
10	Nguyễn Thanh Hùng	Kỹ sư	Bidiphar

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

- Sản phẩm dạng I:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	3000 tấn Muối sạch		x			x			x	
2	500 tấn muối tinh		x			x			x	
3	10 tấn muối chăm sóc sức khỏe		x			x			x	

- Sản phẩm dạng II:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Quy trình sản xuất muối sạch tại Bình Định và Miền Trung		x			x			x	
-	Quy trình sản xuất muối sạch làm nguyên liệu cho tinh chế muối tinh dùng cho công nghiệp		x			x			x	
-	Quy trình sản xuất muối sạch làm nguyên liệu cho tinh chế muối dùng		x			x			x	

	cho được phẩm									
2	Quy trình tinh chế muối tinh liên tục đạt tiêu chuẩn cơ sở		X			X			X	
3	Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và diêm dân		X			X			X	
4	Giải pháp tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất muối		X			X			X	

- Sản phẩm dạng III:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Bài báo: “Chuỗi sản xuất muối liên kết giữa diêm dân và Công ty Cổ Phần Muối và Thực phẩm Bình Định nhằm nâng cao giá trị sản phẩm muối”		X			X			X	

- Kết quả tham gia đào tạo sau đại học:

Số TT	Cấp đào tạo	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt

- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp:

Số TT	Tên sản phẩm đăng ký	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1				
2				

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				
2				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Dự án hoạt động và nghiên cứu thành công muối dùng cho ngành dược phẩm.
- Nghiên cứu chế tạo thành công dây chuyền chế biến muối tinh đáp ứng được cho sản xuất dược phẩm và các ngành công nghiệp khác, góp phần chủ động tự cung ứng một phần nguyên liệu muối đầu vào của các ngành công nghiệp và sản xuất dược phẩm thay cho nhập khẩu.
- Dự án hoạt động sẽ là tiền đề hình thành liên kết giữa công ty và diêm dân địa phương trong mô hình phát triển chuỗi giá trị hàng hóa từ sản xuất đến tiêu thụ, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm muối tăng hơn so hiện nay

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả về khoa học công nghệ

- Với mô hình sản xuất muối sạch qui mô 50 hecta và dây chuyền tinh chế muối hiện đại công suất 2,5-3 tấn/giờ tương đương 10.000 tấn sản phẩm/năm, dự án sẽ góp phần hiện đại hóa ngành muối, nâng cao năng lực sản xuất, nguồn nhân lực của công ty và địa phương trong việc tổ chức sản xuất từ khâu sản xuất nguyên liệu thô đến chế biến muối tinh phục vụ công nghiệp và dược phẩm.
- Ứng dụng công nghệ trải bạt trên nền đất sẽ làm thay đổi tư duy sản xuất muối của diêm dân địa phương có từ bao đời nay, là tiền đề để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp tại vùng nông thôn khó khăn của tỉnh. Dự án thực hiện còn tạo điều kiện hỗ trợ người dân kiến thức cơ bản trong ứng dụng KH-CN và quản lý sản xuất công nghiệp theo hướng gia tăng chất lượng và năng suất sản phẩm.
- Chủ động công nghệ sản xuất các thiết bị phục vụ sản xuất muối sạch kết tinh, từ đó giúp mở rộng vùng sản xuất muối sạch kết tinh.
- Xây dựng nhà máy chế biến muối tinh khiết từ nguồn nguyên liệu sạch của địa phương đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng phục vụ cho công nghiệp chế biến thực phẩm và hóa dược từng bước thay thế hàng nhập khẩu.
- Hình thành và đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học có kiến thức chuyên môn đảm bảo phục vụ cho ngành sản xuất muối nói riêng và ngành nông nghiệp nói chung tại địa phương Bình Định.

3.2. Hiệu quả kinh tế xã hội

- Việc triển khai dự án KHCN nhằm sản xuất muối tinh với quy mô công nghiệp sẽ khai thác được tiềm năng của vùng Đền-Gi nói riêng và của tỉnh Bình Định nói chung. Kết quả của dự án sẽ giải quyết được đầu ra cho muối, tạo công ăn việc làm ổn định, nâng cao đời sống diêm dân địa phương và góp phần thúc đẩy ngành muối Việt Nam phát triển.
- Diêm dân sẽ được hưởng lợi từ hai yếu tố: sản lượng và giá cả. Sản xuất muối theo phương pháp truyền thống có năng suất khoảng 95-100 tấn/ha/năm. Nếu áp dụng công nghệ muối trái bạt, năng suất có thể đạt 125-135 tấn/ha/năm, ngoài ra giá bán muối trái bạt so với muối truyền thống tăng thêm khoảng 25-30%. Như vậy theo tính toán với phương pháp sản xuất mới thu nhập của diêm dân sẽ gia tăng hơn 1,5 lần so với phương pháp cổ truyền. Ngoài ra, với công suất nhà máy là 10.000 tấn/năm, công ty cam kết sẽ bao tiêu toàn bộ sản lượng muối tại vùng dự án.
- Dự án thực hiện sẽ thay đổi tư duy sản xuất người dân địa phương, hình thành mô hình sản xuất mới có ứng dụng khoa học kỹ thuật, liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị hàng hóa nhằm phát triển bền vững ngành sản xuất muối tại Bình Định. Dự án thành công sẽ là mô hình nhân rộng cho cả nước thực hiện.
- Sản phẩm muối tinh của Nhà máy bước đầu góp phần đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng của các nhà máy công nghiệp chế biến và hóa dược tại địa phương thay thế hàng nhập khẩu và trong tương lai sẽ nâng công suất cung ứng cho cả nước.
- Dự án hoạt động sẽ là tiền đề hình thành liên kết giữa công ty và diêm dân địa phương trong mô hình phát triển chuỗi giá trị hàng hóa từ sản xuất đến tiêu thụ, góp phần nâng cao đời sống diêm dân, phát triển bền vững ngành muối.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu \checkmark vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do:

.....

.....

.....

.....
.....
Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

Chủ nhiệm dự án
(Họ, tên và chữ ký)



Trần Công Toại

Thủ trưởng tổ chức chủ trì đề tài
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



Nguyễn Văn Thông